UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ MƯỜNG PỒN
TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 MƯỜNG PỒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63/KH-THS2MP

Mường Pồn, ngày 22 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2025-2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội; Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học: Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; Công văn số 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026; Công văn số 361/VHXH ngày 29/9/2025 của Phòng Văn hóa và xã hội xã Mường Pồn về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định ban hành Kế hoạch thời gian năm học: Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;Quyết định số 2000/QĐ-SNV ngày 28/6/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc điều chuyển viên chức người lao động;

Căn cứ kế hoạch chiến lược giai đoạn 2025-2030 của nhà trường; Kết quả đã đạt được và tình hình thực tế của địa phương, Trường tiểu học số 2 Mường Pồn xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Xã Mường Pồn được thành lập theo Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội trên cơ sở sáp nhập giữa xã Mường Pồn của huyện Điện Biên và xã Mường Mươn huyện Mường Chà, là xã khu vực 3, biên giới nằm ở phía Bắc của tỉnh Điện Biên, có tổng diện tích tự nhiên là 25.876,48ha, có đường biên giới giáp với huyện Mường Mày, tỉnh Phong Sa lỳ, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào có tổng chiều dài là 27,379 km, xã gồm 22 bản, 7 dân tộc cùng chung sống, tỉ lệ hộ nghèo chiếm 25,35%.

Mường Pồn là xã có trục Quốc lộ 12 đi qua, thuận lợi cho việc giao thương. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp về cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, xã hội, đời sống nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã đã được nâng lên. Nhận thức của người dân về vai trò, vị trí của giáo dục và xã hội hoá giáo dục đã có chuyển biến tích cực.

Địa bàn xã rộng, dân cư phân bố rải rác, các thôn bản cách xa nhau, đường liên thôn bản đi lại khó khăn. Người dân sống chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, dịch vụ ngành nghề không có, tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao. Trình độ dân trí không đồng đều, tệ nạn xã hội vẫn còn, yếu tố văn hóa, tục lệ địa phương đa dạng, ảnh hưởng không nhỏ tới sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường.

** Thuận lợi:*

Công tác giáo dục của nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy Đảng chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể của xã, trong việc truyên truyền, vận động các nguồn lực để tu sửa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy, đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Nhà trường luôn nhận được sự thống nhất, đồng thuận của đa số cha mẹ học sinh trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

** Khó khăn:*

Nhiều gia đình học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, do bị ảnh hưởng thiệt hại của thiên tai, bệnh dịch trên địa bàn xã năm 2024 chưa hoàn toàn khắc phục, vì vậy việc quan tâm chăm sóc con em còn hạn chế.

Nhu cầu học sinh về trung tâm học, ăn ở bán trú là lớn, nhưng cơ sở vật chất nhà trường có giới hạn (phòng ăn còn là nhà tạm, bếp ăn tập thể chưa đảm bảo một chiều,…).

Giao thông liên thôn bản tại điểm trường Huổi Chan 2, đi lại khó khăn nhất là mùa mưa lũ, ảnh hưởng tới chất lượng đi học chuyên cần của học sinh.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025- 2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2025-2026 toàn trường có tổng số 12 lớp với số 240 học sinh, được phân bổ như sau:

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ	HS diện chính sách	Học sinh	Học sinh

					dân tộc	Tổng	Mồ côi	Hộ nghèo	Cận nghèo	khuyết tật	bán trú
1	3	45	20	44	20	20	0	15	5	1	1
2	3	42	15	41	15	23	0	14	9	0	0
3	2	41	20	41	20	18	0	13	5	0	20
4	2	54	31	54	31	33	0	23	10	2	27
5	2	58	34	56	33	28	0	18	10	1	28
Tổng	**12**	**240**	**120**	**236**	**119**	**122**	**0**	**83**	**39**	**4**	76

- 100% số lớp và số học sinh học 2 buổi/ngày.
- Sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định; bình quân 20 học sinh/lớp.
- Tỉ lệ học sinh nữ chiếm 49,6%
- Tỉ lệ học sinh dân tộc chiếm 98,3%
- Tỉ lệ học sinh con hộ nghèo, cận nghèo: 50,8%

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a. Về số lượng, trình độ đào tạo

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
				Th.sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác	
CBQL	2	2	0	2	0	0	0	0	
GV	19	12	14	0	18	1	0	0	01 GV (CĐ) nghỉ chế độ tháng 12/2025
NV	1		1	0	0	0	0	1	
Tổng	22	15	15	2	18	1	0	1	

b. Về cơ cấu đội ngũ

- CBQL: 02, trong đó: Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng 01;
- Tổng số giáo viên: 19, trong đó: Giáo viên tiểu học:13, tiếng Anh: 02, Âm nhạc 01, Thể dục: 01; Mỹ thuật: 01, Tin học: 01
- Tổng số nhân viên: 01; (nhân viên bảo vệ: 01).

c. Về thuận lợi, khó khăn

** Thuận lợi*

- Về đội ngũ giáo viên:

Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình năng động, có tinh thần đoàn kết cao.

Giáo viên có trình độ đạt chuẩn theo qui định của Luật Giáo dục 2019, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, sáng tạo trong việc khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin, linh hoạt đổi mới phương pháp dạy học nâng cao chất lượng học sinh, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Giáo viên làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ học sinh trong quá trình dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục; Thường xuyên phối hợp với gia đình, xã hội để thực hiện tốt các hoạt động dạy học giáo dục học sinh.

Về đội ngũ nhân viên:

+ Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường.

+ Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường.

+ Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Về cán bộ quản lý:

+ Có đủ về số lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường;

+ Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản lí nhà trường và năng lực kết nối cộng đồng;

+ Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018.

** Khó khăn*

- Về đội ngũ giáo viên:

Giáo viên còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ. Một số giáo viên tuổi cao việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa nhanh nhậy.

Giáo viên nghi thai sản nhiều, dẫn đến tình trạng thiếu biên chế cục bộ.

- Về đội ngũ nhân viên:

Nhân viên kế toán, y tế làm công tác kiêm nhiệm.

- Về cán bộ quản lý:

Việc sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp chưa thành thạo.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú

**Thuận lợi:*

- Tổng số phòng học: 12 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp (Trung tâm: 07 phòng; điểm trường Tin Tốc: 01 phòng, điểm trường Huổi Chan 1: 02 phòng, điểm trường Huổi Chan 2: 02 phòng).

- Tổng số phòng học bộ môn: 04 phòng, trong đó: 01 phòng ngoại ngữ; 01 phòng Tin học; 01 phòng Nghệ thuật; 01 phòng công nghệ.

- Tổng số phòng chức năng: 06 phòng, trong đó: Phòng hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01; Văn phòng: 01; Y tế: 01, Thư viện: 01; Thiết bị: 01.

- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu giáo dục và hoạt động.

+ Tổng số máy chiếu: 08 (cố định tại các phòng học, phòng học bộ môn; 02 máy di động).

+ Máy chiếu vật thể: 01

+ Tăng âm loa, đài: 03 bộ

+ Loa di động: 5 bộ

+ Ti vi thông minh màn hình tương tác: 04 bộ

- Nhà bếp: 01; Nhà ăn: 01. Phòng ở HS: 06; Nhà bếp, nhà ăn đủ chỗ cho học sinh ăn, nghỉ bán trú.

- Trung tâm và 03 điểm trường lẻ đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Ba điểm trường đều đảm bảo điều kiện tổ chức dạy học lớp ghép 2 trình độ.

** Khó khăn:*

- Các phòng học tại điểm trường chưa có đủ các thiết bị hiện đại máy chiếu lắp cố định.

- Phòng ăn của HS bán trú còn là phòng tạm.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

Năm học 2025-2026 với chủ đề: "***Kỉ cương - Sáng tạo – Đột phá – Phát triển".***

Là năm học đầu tiên diễn ra trong bối cảnh mới khi cả nước hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cũng là năm học đầu tiên triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Năm học tiếp tục hướng tới mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện con người về tri thức, đạo đức, kỹ năng, bản lĩnh và khát vọng, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới – Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

1. Mục tiêu chung

Xây dựng một ngôi trường hạnh phúc đem lại nhiều niềm vui và những điều tốt đẹp cho học sinh, tạo điều kiện để mỗi HS có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp các em hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Xây dựng ngôi trường là địa chỉ tin cậy của phụ huynh HS có con ở bán trú, đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện và an toàn.

2. Chỉ tiêu cụ thể:

2.1. Duy trì số lượng học sinh

Duy trì 240/240 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học, không có học sinh bỏ học giữa chừng.

2.2. Chất lượng giáo dục

a) Về môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp		**Khối 1**		**Khối 2**		**Khối 3**		**Khối 4**		**Khối 5**		**Tổng cộng**	
TS HS		**45**		**42**		**41**		**54**		**58**		**240**	
HS Khuyết tật		*1*		*0*		*0*		*2*		*1*		**1**	
HS được đánh giá		**45**		**42**		**41**		**54**		**58**		**240**	
Môn học	MĐĐ	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*
Tiếng Việt	HTT	23	51,1	25	59,5	23	56,1	29	54	30	52	**130**	**54,2**
	HT	22	48,9	17	40,5	18	43,9	25	46	28	48	**110**	**45,8**
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
Toán	HTT	24	53,3	25	59,5	23	56,1	29	54	30	52	**131**	**54,6**
	HT	21	46,7	17	40,5	18	43,9	25	46	28	48	**109**	**45,4**
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
Tiếng Anh	HTT	23	51,1	27	64,3	23	56,1	29	54	30	52	**132**	**55,0**
	HT	22	48,9	15	35,7	18	43,9	25	46	28	48	**108**	**45,0**
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
Đạo đức	HTT	26	57,8	30	71,4	27	65,9	38	70	34	59	**155**	**64,6**
	HT	19	42,2	13	31,0	14	34,1	16	30	24	41	**86**	**35,8**
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
TN-XH	HTT	23	51,1	27	64,3	23	56,1					**73**	**30,4**
	HT	22	48,9	15	35,7	18	43,9					**55**	**22,9**
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0					**0**	**0,0**
Lịch sử và Địa lí	HTT							29	54	30	52	**59**	**24,6**
	HT							25	46	28	48	**53**	**22,1**
	CHT							0	0	0	0	**0**	**0,0**
Khoa học	HTT							30	56	31	53	**61**	**25,4**
	HT							24	44	27	47	**51**	**21,3**
	CHT							0	0	0	0	**0**	**0,0**
Tin học	HTT							29	54	30	52	**59**	**24,6**
	HT							25	46	28	48	**53**	**22,1**
	CHT									0	0	**0**	**0,0**
Công nghệ	HTT							30	56	32	55	**62**	**25,8**
	HT							24	44	26	45	**50**	**20,8**
	CHT							0	0	0	0	**0**	**0,0**
GDTC	HTT	23	51,1	27	64,3	25	61,0	31	57	32	55	**138**	**57,5**
	HT	22	48,9	15	35,7	16	39,0	23	43	26	45	**102**	**42,5**
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**

Nghệ thuật (Âm nhạc)	HTT	23	51,1	27	64,3	23	56,1	29	54	31	53	**133**	**55,4**
	HT	22	48,9	15	35,7	18	43,9	25	46	27	47	**107**	**44,6**
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
Nghệ thuật (Mĩ thuật)	HTT	24	53,3	27	64,3	23	56,1	29	54	31	53	**134**	**55,8**
	HT	21	46,7	15	35,7	18	43,9	25	46	27	47	**106**	**44,2**
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
Hoạt động trải nghiệm	HTT	24	53,3	27	64,3	23	56,1	37	69	33	57	**144**	**60,0**
	HT	21	46,7	15	35,7	18	43,9	17	31	25	43	**96**	**40,0**
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**

b) Những phẩm chất chủ yếu

Khối lớp		**Khối 1**		**Khối 2**		**Khối 3**		**Khối 4**		**Khối 5**		**Tổng cộng**	
TS HS		**45**		**42**		**41**		**54**		**58**		**240**	
HS Khuyết tật		*1*		*0*		*0*		*2*		*1*		**4**	
HS được đánh giá		**45**		**42**		**41**		**54**		**58**		**240**	
Phẩm chất	MĐĐ	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*
Yêu nước	Tốt	45	100	42	100	41	100	54	100	58	100	**240**	**100,0**
	Đạt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
Nhân ái	Tốt	36	80	32	76	38	93	49	91	54	93	**209**	**87,1**
	Đạt	9	20	10	24	3	7	5	9	4	7	**31**	**12,9**
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
Chăm chỉ	Tốt	36	80	28	67	35	85	42	78	48	83	**189**	**78,8**
	Đạt	9	20	14	33	6	15	12	22	10	17	**51**	**21,3**
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
Trung thực	Tốt	36	80	30	71	38	93	49	91	31	53	**184**	**76,7**
	Đạt	9	20	12	29	3	7	5	9	27	48	**56**	**23,3**
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
Trách nhiệm	Tốt	36	80	28	67	36	88	39	72	44	76	**183**	**76,3**
	Đạt	9	20	14	33	5	12	15	28	14	24	**57**	**23,8**
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**0**	**0,0**

c) Những năng lực cốt lõi:

Khối lớp	**Khối 1**	**Khối 2**	**Khối 3**	**Khối 4**	**Khối 5**	**Tổng cộng**
TS HS	**45**	**42**	**41**	**54**	**58**	**240**
HS Khuyết tật	*1*	*0*	*0*	*2*	*1*	**4**

HS được đánh giá		**45**		**42**		**41**		**54**		**58**		**240**	
Năng lực cốt lõi	MĐĐ	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*
1. Tự chủ và tự học	Tốt	23	51,1	26	61,9	23	56,1	35	65	41	71	**148**	**61,7**
	Đạt	22	48,9	16	38,1	18	43,9	19	35	17	29	**92**	**38,3**
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	23	51,1	26	61,9	27	65,9	37	69	41	71	**154**	**64,2**
	Đạt	22	48,9	16	38,1	14	34,1	17	31	17	29	**86**	**35,8**
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	23	51,1	26	61,9	24	58,5	29	54	30	52	**132**	**55,0**
	Đạt	22	48,9	16	38,1	17	41,5	25	46	28	48	**108**	**45,0**
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
- NL đặc thù													
1. Ngôn ngữ	Tốt	23	51,1	28	66,7	26	63,4	29	54	31	53	**137**	**57,1**
	Đạt	22	48,9	14	33,3	15	36,6	25	46	27	47	**103**	**42,9**
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
2. Tính toán	Tốt	24	53,3	26	61,9	24	58,5	29	54	30	52	**133**	**55,4**
	Đạt	21	46,7	16	38,1	17	41,5	25	46	28	48	**107**	**44,6**
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
3. Khoa học	Tốt	23	51,1	26	61,9	24	58,5	32	59	33	57	**138**	**57,5**
	Đạt	22	48,9	16	38,1	17	41,5	22	41	25	43	**102**	**42,5**
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
4. Thẩm mĩ	Tốt	24	53,3	26	61,9	24	58,5	32	59	34	59	**140**	**58,3**
	Đạt	21	46,7	16	38,1	17	41,5	22	41	24	41	**100**	**41,7**
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
5. Thể chất	Tốt	23	51,1	28	66,7	24	58,5	33	61	34	59	**142**	**59,2**
	Đạt	22	48,9	14	33,3	17	41,5	21	39	24	41	**98**	**40,8**
	CCG	0	0,0	0	0	0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
6. Công nghệ	Tốt					24	58,5	31	57	34	59	**89**	**58,2**
	Đạt					17	41,5	23	43	24	41	**64**	**41,8**
	CCG					0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**
7. Tin học	Tốt					24	58,5	29	54	31	53	**84**	**54,9**
	Đạt					17	41,5	25	46	27	47	**69**	**45,1**
	CCG					0	0,0	0	0	0	0	**0**	**0,0**

d) Kết quả giáo dục cuối năm học

(Có 4 HS khuyết tật học hòa nhập đánh giá sự tiến bộ của trẻ)

Khối lớp	TS HS được đánh giá	**HTXS**		**HTT**		**HT**		**CHT**		Ghi chú
		SL	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	
1	**45**	8	17,8	17	37,8	20	44,4	0	0	
2	**42**	8	19	17	40,5	17	40,5	0	0	

3	**41**	7	17,1	16	39	18	43,9	0	0	
4	**54**	10	19	14	25	29	46	0	0	
5	**58**	10	17	20	35	28	48	0	0	
Tổng	**240**	**43**	**17,9**	**84**	**35**	**113**	**47,1**	0	0	

e) Khen thưởng cuối năm học:

Khối	TS HS	Khen thưởng					
		TSHS được khen thưởng		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Tiêu biểu	
		SL	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*
1	**45**	25	55,6	8	17,8	17	37,8
2	**42**	25	59,5	8	19	17	40,5
3	**41**	23	56,1	7	17,1	16	39
4	**54**	24	55,5	10	18,5	14	25
5	**58**	30	51,7	10	17,2	20	35
Tổng	**240**	**127**	**52,9**	**43**	**17,9**	**84**	**35**

- Hoàn thành chương trình lớp học: 240/240 HS,tỷ lệ 100%

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 58/58 HS, tỷ lệ 100%

- Kết quả các hội thi: Có học sinh đạt giải trong các kì thi, giao lưu cấp xã, cấp tỉnh.

g) Các hoạt động khác:

- 12/12 lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, giao lưu (theo quy định) do trường và phòng phát động trong năm học.

- 100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường sạch sẽ, gọn gàng (100% HS mặc đồng phục vào thứ 2 hàng tuần).

- 100% các lớp trang trí lớp theo quy định, linh hoạt, phù hợp và thân thiện.

- 100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do nhà trường và phòng phát động.

- 100% học sinh hưởng ứng tích cực các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.

- Giáo dục học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức: Tổ chức thăm hỏi động viên các gia đình chính sách, thăm viếng đài tưởng niệm tại xã: 2lần/năm học.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC

(Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình cấp tiểu học)

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục		Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
			Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																	
1	Tiếng Việt		**420**	216	204	**350**	180	170	**245**	126	119	**245**	126	119	**245**	126	119
2	Toán		**105**	54	51	**175**	90	85	**175**	90	85	**175**	90	85	**175**	90	85
3	Tiếng Anh								**140**	72	68	**140**	72	68	**140**	72	68
4	Đạo đức		**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
5	Tự nhiên – Xã hội		**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34						
6	Lịch sử và Địa lý											**70**	36	34	**70**	36	34
7	Khoa học											**70**	36	34	**70**	36	34
8	Tin học								**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
9	Công nghệ								**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
10	Giáo dục thể chất		**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34
11	Nghệ thuật (Âm nhạc)		**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
12	Nghệ thuật (Mĩ thuật)		**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
13	Hoạt động trải nghiệm	- SHDC	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
		- HĐGDTCĐ	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
		- SHL	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
14	Tăng cường Tiếng Việt		**80**	80	0	**35**	18	17	**35**	18	17	**0**	0	0	**0**	0	0
15	Đọc sách tại thư viện		**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17

16	Giáo dục địa phương	**22**	12	10	**22**	12	10	**22**	12	10	**22**	12	10	**22**	12	10
II. Môn học tự chọn																
1	Tiếng dân tộc thiểu số															
2	Tiếng Anh (lớp 1, 2)	**70**	36	34	**70**	36	34									
Tổng tiết theo cv 2100/SGDĐT		**1082**	596	486	**1037**	534	503	**1070**	552	520	**1107**	570	537	**1107**	570	537
III. Hoạt động củng cố, tăng cường *(Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)*																
1	HĐTN môn Toán/Tiếng Việt/…	**68**	28	40	**61**	34	27	**26**	17	9						
2	HĐTN khác	**4**	1	3	**4**	1	3	**4**	1	3	**4**	1	3	**4**	1	3

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9 năm 2025	Truyền thống nhà trường	Khai giảng năm học mới; giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	Sáng thứ sáu, ngày 05/09/2025	BGH; TPTĐ; GVCN	Ban ĐDCMHS; GV các môn chuyên.
	Hoạt động trải nghiệm	Tổ chức vui Trung thu cho học sinh.	Tập trung toàn trường và điểm trường Huổi Chan 2	Cuối giờ buổi sáng thứ sáu ngày 03/10 (tức 12/8 Âm lịch) (30 phút)	BGH; TPTĐ; GV toàn trường	Ban ĐDCMHS, Đoàn Thanh niên xã
Tháng 10 năm 2025	Truyền thống nhà	Sinh hoạt truyền thống về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối	Tập trung toàn trường/điểm	Sáng thứ tư ngày 15/10/2025	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GV chuyên

	trường	cùng cho ngành GD (15/10/1968)	trường	(20 phút)		
	Hoạt động trải nghiệm	Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 20/10	Theo lớp	Tiết chào cờ ngày 20/10/2025 (30 phút)	TPTĐ, GV Mĩ thuật, GVCN	BGH, GV chuyên
Tháng 11 năm 2025	Kính yêu thầy giáo, cô giáo	Chúc mừng ngày 20/11; giao lưu văn nghệ	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Năm ngày 20/11/2025	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc, GV toàn trường	- Ban ĐDCMHS - Đại diện các ban ngành, đoàn thể xã.
	Hoạt động trải nghiệm	Các hoạt động tham vấn tâm lý học sinh	Tập trung toàn trường/Theo khối (độ tuổi)	Sáng thứ tư ngày 05/11/2025 (60 phút)	GV phụ trách Tư vấn tâm lý HS; TPT Đội và GVCN	BGH, Giáo viên dạy chuyên
Tháng 12 năm 2025	Uống nước nhớ nguồn	Tìm hiểu về ngày truyền thống QĐND VN 22/12 – Hoạt cảnh	Tập trung toàn trường	Tiết SHDC sáng thứ hai ngày 22/12/2025	BGH, TPTĐ, GV toàn trường	Đoàn Thanh niên trường;
Tháng 1 năm 2026	HĐTN STEM - Làm quen với NCKH, kĩ thuật	Học sinh làm quen với hoạt động nghiên cứu khoa học (khám phá khoa học, khám phá công nghệ)	Theo khối	Sáng thứ Hai ngày 12/01/2026	Tổng PTĐ và GV toàn trường	BGH, Đại diện Cha mẹ HS
	Hoạt động trải nghiệm	Sơ kết học kỳ I - Giáo dục kỹ năng sống: PCCC&CNCH	Tập trung toàn trường;	Chiều thứ sáu ngày 16/01/2026 (60 phút)	Công an xã Mường Pồn	BGH; TPTĐ; GV, NV toàn trường
	Hoạt động trải	Tổ chức các hoạt động thực hành Tiếng Anh	Theo khối lớp	Chiều thứ Năm ngày 15/01/2026	Giáo viên Tiếng Anh và GV toàn	BGH, Đại diện Cha mẹ HS

	nghiệm			(90 phút)	trường	
Tháng 2 năm 2026	HĐ tập thể	96 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930-3/2/2026)	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai ngày 02/2/2026 tiết SHDC (20 phút)	TPT Đội và GVCN	BGH, Giáo viên dạy chuyên
	Hoạt động trải nghiệm	- Chào xuân 2026 (gói bánh chưng) - Trao quà Tết cho HS có HCKK	Tập trung toàn trường	Thứ sáu ngày 11/02/2026 (24/12 Âm lịch)	BGH, TPTĐ, GV toàn trường	- Ban ĐDCMHS - Chi đoàn Thanh niên
	Hoạt động trải nghiệm	Tổ chức thăm hỏi gia đình có công với cách mạng; Chăm sóc Đài tưởng niệm của xã	Nhóm HS đại diện	Sáng thứ sáu ngày 11/02/2026 (24/12 Âm lịch)	TPT Đội và GVCN	BGH, Giáo viên dạy chuyên
Tháng 3 năm 2026	Hoạt động trải nghiệm STEM	Hoa yêu thương nở rộ (Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3)	Theo lớp	Sáng thứ Sáu ngày 06/3/2026 tiết SHL (20 phút)	GVCN, TPTĐ GV toàn trường.	BGH
Tháng 4 năm 2026	Hoạt động trải nghiệm	Giao lưu văn nghệ - Tìm hiểu truyền thống với chủ đề "Hướng tới ngày kỷ niệm 51 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2026)"	Tập trung toàn trường/điểm trường	Sáng thứ Hai ngày 27/4/2026 (20 phút)	Tổng phụ trách đội	- BGH, GV toàn trường
Tháng 5 năm 2026	Hoạt động trải nghiệm	Sinh hoạt truyền thống: Hoa thơm dâng Bác.	Theo khối lớp	Tiết SHDC thứ hai ngày 18/5/2026 (30 phút)	TPT Đội và GVCN	BGH, Giáo viên dạy chuyên

	Ngày Hội STEM	Trưng bày, giới thiệu, trải nghiệm, khám phá các sản phẩm sáng tạo khoa học công nghệ của khối, lớp	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai ngày 23/5/2026	BGH; TPTĐ GV CN, GV dạy chuyên.	- Ban ĐDCMHS

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt câu lạc bộ, năng khiếu.	Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ theo nhu cầu người học.	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	1 lần/tháng (Từ 16 giờ 10 phút đến 16 giờ 45 phút).	Tại trường trung tâm và các điểm bản	
2	Vui chơi tự do; HĐTT sân trường	- Chơi trò chơi - Ca múa hát, HĐTT sân trường;	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Giữa giờ (giờ ra chơi) các ngày trong tuần	Tại sân trường và các điểm bản	
3	HĐTN,RKNS, HĐGD khác	- GDKNS; hoạt động giải trí	Học sinh bán trú	Sau giờ học cuối buổi chiều, trước giờ ăn tối	Tại trường trung tâm	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

- Kế hoạch giáo dục đối với 03 điểm trường lẻ thực hiện như trường trung tâm.
- Hoạt động câu lạc bộ sinh hoạt theo điểm trường và bố trí thời gian sinh hoạt luân phiên giữa các điểm trường cho phù hợp

*** Khung thời gian hoạt động trong ngày tại điểm trường trung tâm:**

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
6 giờ 30 phút - 7 giờ 10 phút	40 phút	Vệ sinh cá nhân + ăn sáng (HS bán trú)
7 giờ 10 phút - 7 giờ 30 phút	20 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ

7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 50 phút - 9 giờ 10 phút	***20 phút***	***Ra chơi***
9 giờ 10 phút - 9 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 50 phút - 10 giờ 25 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 30 phút - 11 giờ 00 phút	35 phút	Tiết 5 *(Thứ hai, thứ tư: khối 4,5)*
11 giờ 00 phút - 11 giờ 30 phút	30 phút	***Ăn trưa + Sinh hoạt tập thể (HS bán trú, Nuôi em)***
11 giờ 30 phút - 13 giờ 30 phút	150 phút	***Nghỉ trưa (HS bán trú, Nuôi em)***
Buổi chiều		
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 5
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 6
15 giờ 20 phút - 15 giờ 40 phút	***20 phút***	***Ra chơi***
15 giờ 45 phút - 16 giờ 20 phút	35 phút	Tiết 7
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		***Nội dung***
16 giờ 20 phút đến 16 giờ 50 phút	***30 phút***	***- Tổ chức các HĐGD: Trò chơi; GDKNS trung tâm trường***
Buổi tối		
16 giờ 55 phút - 18 giờ 55 phút	120 phút	***Ăn tối + sinh hoạt tập thể (HS bán trú)***
19 giờ 00 phút - 21 giờ 00 phút	120 phút	***Ôn bài, giải trí (HS bán trú)***

***Khung thời gian hoạt động trong ngày tại 3 điểm trường: Tin Tốc, Huổi Chan 1, Huổi Chan 2**

Thời gian	Hoạt động
Buổi sáng	

7 giờ 10 phút - 7 giờ 30 phút	20 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 50 phút - 9 giờ 10 phút	***20 phút***	***Ra chơi***
9 giờ 10 phút - 9 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 50 phút - 10 giờ 25 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 30 phút - 11 giờ 00 phút	30 phút	***Ăn trưa + sinh hoạt tập thể (HS Nuôi em)***
11 giờ 00 phút - 13 giờ 30 phút	150 phút	***Nghỉ trưa (HS Nuôi em)***
Buổi chiều		
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 5
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 6
15 giờ 20 phút - 15 giờ 40 phút	***20 phút***	***Ra chơi***
15 giờ 45 phút - 16 giờ 20 phút	35 phút	Tiết 7
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		***Nội dung***
16 giờ 20 phút đến 16 giờ 40 phút	***20 phút***	***- Tổ chức các HĐGD: Trò chơi; GDKNS cho học sinh***

** Ghi chú: Thời gian 1 tiết học 35 phút, chuyển giao giữa các tiết 5 phút*

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

4.1. Khung thời gian thực hiện chương trình:

Thực hiện Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Cụ thể:

Ngày tựu trường: Lớp 1: thứ sáu ngày 22/8/2025

Lớp 2,3,4,5: thứ sáu ngày 29/8/2025

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2025

Học kỳ I (có 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác): Bắt đầu từ ngày 08/9/2025, kết thúc học kỳ I ngày 16/01/2026.

Học kỳ II (có 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác): Bắt đầu từ ngày 19/01/2026, hoàn thành kế hoạch giáo dục học kỳ II ngày 22/5/2026.

Kết thúc năm học: ngày 29/5/2026.

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn…).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng (nếu có).

4.2. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

- Đối với khối lớp 1:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học *(Phụ lục 1.4 – Khối lớp 1 đính kèm).*

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp *(Phụ lục 2 – Khối lớp 1 đính kèm).*

- Đối với khối lớp 2:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học *(Phụ lục 1.4 – Khối lớp* 2 *đính kèm).*

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp *(Phụ lục 2 – Khối lớp 2 đính kèm).*

- Đối với khối lớp 3:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong

năm học *(Phụ lục 1.4 – Khối lớp 3 đính kèm).*

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp *(Phụ lục 2 – Khối lớp 3 đính kèm).*

- Đối với khối lớp 4:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học *(Phụ lục 1.4 – Khối lớp 4 đính kèm).*

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp *(Phụ lục 2 – Khối lớp 4 đính kèm).*

- Đối với khối lớp 5:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học *(Phụ lục 1.4 – Khối lớp 5 đính kèm)*

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp *(Phụ lục 2 – Khối lớp 5 đính kèm.)*

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Nhà trường xây dựng các phương án bảo đảm an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, tại địa phương.

Tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học 2025-2026 của UBND tỉnh; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của nhà trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ GD&ĐT.

Chỉ đạo tổ chuyên môn, đội ngũ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học (hoạt động giáo dục); tổ chức hướng dẫn học sinh tiếp thu nội dung bài học, chủ đề học tập trong sách giáo khoa phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất nhà trường và năng lực học sinh các lớp; bảo đảm cuối năm học học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, tự chọn bố trí thời gian thực hiện chương trình khoa học, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong quá trình thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục, đảm bảo cuối năm học, học sinh đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình. Trong điều kiện cho phép, các tổ chuyên môn/giáo viên tạo môi trường cho học sinh trải nghiệm, vận dụng các kiến thức trên lớp, phát huy năng lực được học trong chương trình vào hoạt động giáo dục và thực tiễn.

Thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT. Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung dạy học tích hợp (giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông, quốc phòng an ninh, khởi nghiệp, phòng cháy chữa cháy,...), dạy học theo chủ đề, giáo dục đạo đức, lối sống, kĩ năng sống, hoạt động tư vấn tâm lý học sinh, giáo dục truyền thống nhà trường,...Tăng cường lý tưởng cách mạng, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh; đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tội phạm cho thiếu niên, nhi đồng. Tổ chức tốt hoạt động tư vấn tâm lý trong trường Tiểu học theo hướng dẫn tại Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ GD&ĐT.

Tổ chức tuyên truyền giáo dục về phòng chống tai nạn thương tích, xâm hại, trẻ em; giáo dục bảo vệ nguồn nước sạch, vệ sinh môi trường, tiết kiệm năng lượng, biến đổi khí hậu, giáo dục về quyền và bổn phận của trẻ em. Thực hiện các giải pháp phòng chống các dịch bệnh, thiên tai.

- Sách giáo khoa, sách hướng dẫn học các môn học:

Số lượng sách quy định tối thiểu đối với mỗi học sinh khối lớp 1,2,3,4,5: *(theo danh mục Sách giáo khoa quy định của Sở giáo dục và Đào tạo).*

Xuất bản phẩm tham khảo và vở (tập viết, luyện viết) sử dụng trong quá trình dạy và học tại nhà trường thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GDĐT.

3. Tổ chức dạy học ngoại ngữ 1, tin học theo chương trình GDPT 2018

3.1. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1

- Đối với lớp 1, lớp 2: Thực hiện Chương trình tiếng Anh tự chọn bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình làm quen với tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT, Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo chương trình GDPT 2018 và các quy định hiện hành.

- Đối với lớp 3, lớp 4, lớp 5:

Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, giáo viên để tổ chức cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 học môn Tiếng Anh theo Chương

trình giáo dục phổ thông 2018.

Triển khai thực hiện kế hoạch số 160/KH-BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GDĐT về việc triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học đầu tư theo Quyết định số 4374/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ GDĐT.

Triển khai tổ chức dạy học môn Tiếng Anh theo Kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 của Sở GDĐT và các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT trong năm học 2025-2026. Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh, tham gia học tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện truyền thông phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

3.2. Tổ chức dạy học môn Tin học

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học (Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GDĐT về việc tổ chức dạy học môn Tin học chương trình GDPT 2018 cấp Tiểu học).

Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục Tin học, giáo dục kĩ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT ngay từ lớp 1 nhằm hình thành các kĩ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3,4,5.Cử giáo viên tham gia tập huấn cho đội ngũ giáo viên cốt cán về xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kĩ năng công dân số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương

Nội dung giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5 được dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm theo hướng dẫn quy định của Sở GD&ĐT.

Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

5. Tổ chức dạy học hoạt động giáo dục STEM

Tiếp tục triển khai giáo dục STEM theo hướng dẫn tại Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GDĐT và Công văn số 652/SGDĐT-GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GDĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học.

Hướng dẫn giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website http://stemtieuhoc.edu.vn và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GDĐT.

6. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phương pháp, hình thức đánh giá.

6.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Nhà trường quyết định các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; vận dụng những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành, trải nghiệm, dạy tích hợp các nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai phương pháp dạy học, kĩ thuật kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GDĐT để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của nhà trường theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá ứng dụng CNTT trong dạy học và quản trị nhà trường.

6.2. Bồi dưỡng học sinh năng khiếu

Tiếp tục tổ chức hợp lý các hoạt động giáo dục, giao lưu, các sân chơi trí tuệ bổ ích và thân thiện nhằm phát triển năng lực, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và nội dung học tập của học sinh Tiểu học như Giao lưu tiếng Việt, kể chuyện theo sách, triển lãm sách, triển lãm tranh, tìm hiểu An toàn giao thông, câu lạc bộ tiếng Anh, Tin học, các cuộc giao lưu trên mạng Internet (Tiếng Anh IOE, giải Toán), giao lưu Olympic các môn Toán, tiếng Việt, đấu trường Vioedu, Trạng nguyên tiếng Việt,….

Tăng cường tập luyện các hoạt động thể dục thể thao: điền kinh, bóng đá, đá cầu, bóng bàn, thể dục Aerobic, cờ vua, bơi, pickell,… nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh. Tuyển chọn đội tuyển tập luyện tham gia giải thể thao học sinh phổ thông do các cấp tổ chức đạt kết quả cao.

6.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

Thực hiện đánh giá học sinh theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT; thực hiện đánh giá học sinh phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Nhà trường xây dựng ma trận đề,

ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học phù hợp với từng nhóm đối tượng, tuyệt đối không để học sinh ngồi nhầm lớp; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức, phương pháp đánh giá thường xuyên, biên soạn xây dựng ma trận đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo chương trình GDPT 2018; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ đối với môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ theo quy định của Bộ GDĐT Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 của Bộ GDĐT. Đối với môn Tin học và Công nghệ thực hiện dạy học và kiểm tra đánh giá như hai môn học độc lập theo Chương trình GDPT môn Tin học và Chương trình GDPT môn Công nghệ. Điều chỉnh mẫu học bạ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT cho phù hợp với việc ghi nhận kết quả đánh giá hai môn học này.

7. Triển khai thực hiện các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và dạy tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một

7.1. Dạy Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số

Tổ chức dạy tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số qua các môn học và hoạt động giáo dục tối thiểu 01 tiết/tuần. Chỉ đạo giáo viên xây dựng lộ trình giúp học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tiếng Việt.

Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy viết bài văn, đoạn văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp. Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua việc tổ chức tiết đọc sách tại thư viện, nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện xanh, thư viện lưu động, thư viện góc lớp, duy trì hiệu quả hoạt động giao lưu tiếng Việt.

7.2. Tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một

Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp Một theo quy định thời lượng 72 tiết.

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện; tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, phương pháp dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một. Tổ chức kiểm tra đánh giá việc tổ chức dạy tiếng Việt cho học sinh DTTS phù hợp với điều kiện của địa phương.

8. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, lớp ghép

8.1. Đối với trẻ khuyết tật

Thực hiện nghiêm túc Luật Người khuyết tật. Huy động 100% số trẻ từ 6 đến 10 tuổi khuyết tật có khả năng học tập, học hòa nhập. Phân công giáo viên thực hiện chương trình giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại đơn vị. Bố trí hợp lý số lượng học sinh trong lớp có học sinh khuyết tật, bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập. Tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật của các khối lớp,. Đánh giá học sinh khuyết tật theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính. Việc đánh giá sự tiến bộ của trẻ được ghi trong sổ theo dõi trẻ khuyết tật.

8.2. Thực hiện hiệu quả dạy học lớp ghép

Căn cứ số lượng học sinh và điều kiện của nhà trường tổ chức các lớp học linh hoạt, lớp ghép tại 2 điểm trường trung tâm và Tin Tốc (lớp ghép 1+2), đảm bảo mỗi lớp ghép bố trí không quá 25 học sinh/lớp và không quá 2 trình độ.

Chế độ phụ cấp dạy lớp ghép cho giáo viên thực hiện theo quy định tại Quyết định số 15/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

9. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, bán trú và dạy học tại điểm trường

9.1. Dạy học 2 buổi/ngày

Nhà trường bố trí sắp xếp đội ngũ giáo viên đảm bảo tỉ lệ 1,5 giáo viên/lớp theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Duy trì 100% số lớp tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

mỗi ngày bố trí không quá 07 tiết học, mỗi tiết học 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 09 buổi/tuần (tương đương với 32 tiết/tuần).

Nội dung và hình thức dạy học:

- Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Buổi 2: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã

hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

9.2. Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh bán trú.

Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng cho học sinh bán trú. Kêu gọi các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm, các mạnh thường quân ủng hộ giúp đỡ kinh phí nấu ăn cho học sinh bán trú, học sinh tham gia dự án Nuôi em để đảm bảo tỉ lệ chuyên cần.

Tích cực tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng sống, kĩ năng mềm, tạo các sân chơi bổ ích, lành mạnh cho học sinh bán trú.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các khâu tổ chức nấu ăn cho học sinh bán trú tại các nhà trường (từ khâu xuất, nhập thực phẩm, thực đơn, đảm bảo cân bằng dinh dưỡng).

Tổ chức tuyên truyền đến cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương về chủ trương của Đảng và Nhà nước theo Nghị định 66/2025.

9.3. Dạy học tại điểm trường lẻ khó khăn

Xây dựng quy chế phân công dạy học tại điểm trưởng khó khăn (Huổi Chan 2) đảm bảo công bằng, khách quan; quan tâm xây dựng, bảo vệ cơ sở vật chất điểm trường; nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, khuôn viên điểm trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp an toàn.

10. Thực hiện công tác phát triển đội ngũ

a) Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và tăng cường hoạt động sinh hoạt chuyên môn

Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo hướng dẫn tại Kế hoạch số 2184/KH-SGDĐT ngày 29/7/2025 của Sở GDĐT. Đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 và Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ GDĐT.

Tiếp tục rà soát, bổ sung, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán các môn học và hoạt động giáo dục để thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng theo hướng thường xuyên, liên tục, ngay tại trường. Gắn nội dung bồi dưỡng với sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp, hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân, phát hiện kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa theo thẩm quyền. Khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng bằng nhiều hình thức phù hợp; tiếp tục thực hiện đánh giá, bồi dưỡng thường xuyên thực chất theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ, khối, trường 2 buổi/tháng, mỗi buổi 3 tiết, mỗi tiết 45 phút; tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường ít nhất 01 lần/học kỳ; lựa chọn nội dung sinh hoạt cụm chuyên môn thiết thực, đáp ứng nhu cầu giáo viên, góp phần nâng cao năng lực giáo viên, tránh hình thức,

chạy theo thành tích; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học. Thời gian, địa điểm, nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường thống nhất trong kế hoạch hành động.

Đối với đội ngũ giáo viên dạy các môn chuyên (Âm nhạc, Mĩ thuật, Giáo dục thể chất, Tiếng Anh, Tin học) tổ chức bồi dưỡng thường xuyên trong năm học theo tổ khối, cụm trường theo hình thức phù hợp với điều kiện của nhà trường.

b) Đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên

Đánh giá xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường thực hiện theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GDĐT về chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học. Đánh giá xếp loại giáo viên tiểu học thực hiện theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và các quy định hiện hành.

Khuyến khích việc đổi mới công tác quản lý đánh giá xếp loại cán bộ quản lý và giáo viên theo hướng chất lượng, hiệu quả, sáng tạo.

c) Thi giáo viên dạy giỏi

Tổ chức thi giáo viên giỏi cấp trường theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 (dự kiến tháng 01/2026).

11. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục và giáo dục kỹ năng công dân số

a) Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030" phù hợp với điều kiện nhà trường. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng thiết bị chuyển đổi số cho giáo viên; khuyến khích giáo viên duy trì phương thức dạy học trực tuyến đối với một số môn học, hoạt động giáo dục; chuẩn bị sẵn các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh xảy ra không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hệ thống “Trường học kết nối”, khai thác sử dụng "Hành trang số", phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên toàn cấp học trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng trên hệ thống LMS. Tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, sự kiện thể thao, giao lưu tiếng Việt, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội Thiếu niên tiền phong (TNTP) Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng.

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và công tác thống kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS trong cơ sở dữ liệu (csdl.moet.gov.vn), phần mềm phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, phần mềm thực

đơn cân bằng dinh dưỡng, phần mềm dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình VTV. Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website www.dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn; Kênh youtobe: Cộng đồng giáo viên sáng tạo tỉnh Điện Biên; Website của các Sở Giáo dục và Đào tạo trong khu vực và trên phạm vi cả nước.

Hiệu trưởng nhà trường quyết định và cho phép cán bộ quản lý, tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh, giáo viên, nhân viên thư viện, nhân viên y tế được phép sử dụng hồ sơ điện tử (bao gồm: hồ sơ chuyên môn, hồ sơ thư viện, hồ sơ theo dõi công tác y tế trường học, kế hoạch hoạt động công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh, kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tuần,...) để quản lý trên môi trường số. Báo cáo số lượng (kèm theo danh sách) cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phép sử dụng hồ sơ điện tử về UBND xã (Qua Phòng Văn hoá – Xã hội) trước ngày 25/9/2025.

b) Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kĩ năng công dân số vào giảng dạy

Thực hiện việc đưa nội dung giáo dục kĩ năng công dân số vào giảng dạy nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên về vị trí, vai trò và ý nghĩa của giáo dục kĩ năng số trong thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học và thống nhất nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục kĩ năng số cho học sinh tại nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

Tổ chức thực hiện hiệu quả giáo dục kỹ năng số, đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số. Nội dung giáo dục kĩ năng số được giảng dạy cho học sinh thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 3899/BGD ĐT-GDTH ngày 30/7/2024.

c) Triển khai học bạ số

100% CBGV nhà trường thực hiện sử dụng học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030.

12. Phát động các phong trào thi đua và đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học

Nhà trường tiếp tục phát động và tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, gắn với phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập".

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức truyền thông về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và Đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-

NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI, Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông của Quốc hội, Chương trình GDPT 2018 của Bộ GDĐT dưới nhiều hình thức, đa dạng, hiệu quả.

Nêu gương các cá nhân iển hình thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và CBGV nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ, bộ Quy tắc ứng xử trong trường học.

Tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông, nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin, đáp ứng yêu cầu truyền thông của ngành. Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của ngành đến được từng cán bộ, giáo viên, người lao động trong nhà trường; chủ cán bộ giáo viên tham gia tập huấn công tác truyền thông nhằm nâng cao kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin về giáo dục.

Tăng cường truyền thông về các hoạt động nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tại các cơ sở giáo dục tiểu học cho việc triển khai Chương trình GDPT 2018.

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của Ngành, tập trung vào các tin bài về việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của nhà trường để khích lệ các thầy giáo, cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

13. Rà soát, quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp

Nhà trường tiếp tục rà soát quy mô trường, lớp, số học sinh, nâng cao số học sinh/lớp sát định mức và phù hợp với thực tế địa phương; thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2025, 2026.

Tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức chính trị-xã hội, Ban quản lí thôn bản tuyên truyền, vận động tối đa HS độ tuổi đến trường ra lớp, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng và đi học không chuyên cần.

14. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và đảm bảo công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

a) Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học

Kết hợp với các trường trên địa bàn duy trì xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đáp ứng yêu cầu việc thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp; xây dựng kế hoạch, tập trung nguồn lực để củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định tại Luật

Giáo dục 2019.

b) Thực hiện hiệu quả kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng trong báo cáo tự đánh giá hàng năm. Tích cực tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo tập trung nguồn lực để xây dựng hoàn thiện các phòng học bộ môn theo quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT; xây dựng CSVC nhà trường học theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung cơ sở vật chật, phòng học bộ môn của Bộ GDĐT.

Thực hiện hiệu quả các giải pháp nhằm duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, chuẩn bị điều kiện kiểm tra công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia sau 5 năm theo quy định của Bộ GDĐT.

15. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

a) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp có thẩm quyền và huy động các nguồn lực, các tổ chức xã hội, các mạnh thường quân và sự đóng góp công sức của nhân dân để xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất, đảm bảo đủ 01 phòng học/lớp; đảm bảo các điều kiện để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Rà soát, sắp xếp bàn ghế học sinh đảm bảo tiêu chuẩn bàn ghế học sinh theo quy định. Bố trí nhân lực nhà trường để sửa chữa những bàn ghế bị hỏng, mất ốc vít, gãy,…

Tiếp tục tham mưu với Phòng VH-XH đầu tư thiết bị dạy học mới (theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học), đảm bảo 01 bộ thiết bị dạy học tối thiểu/01 lớp. Tiếp tục sử dụng những thiết bị hiện có ở nhà trường như "Bộ đồ dùng dạy học Tiếng Việt 1, bộ đồ dùng dạy học Toán 1, bộ chữ dạy tập viết, tranh ảnh, bản đồ, dụng cụ đo lường, bộ lắp ghép kĩ thuật".

b) Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

Tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động thư viện nhà trường, triển khai hiệu quả thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc, nâng cao văn hóa đọc trong nhà trường; sắp xếp bố trí nhân viên thư viện đúng chuyên môn làm công tác thiết lập và vận hành thư viện. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả ứng dụng "vui đọc cùng em" tiết đọc thư viện hàng tuần, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thư viện, phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

Nghiên cứu, nhân rộng mô hình thư viện thân thiện phù hợp với thực tế

của địa phương, nhà trường. Triển khai thực hiện nghiêm túc Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GD&ĐT quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả của thư viện trong các trường tiểu học; thực hiện tốt việc lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Cuối năm học, nhà trường tiến hành phát động tặng sách giáo khoa đã qua sử dụng của học sinh cho thư viện nhà trường, để nhà trường bổ sung vào thư viện dùng chung và tiến hành trao tặng cho những HS có hoàn cảnh khó khăn ở năm học sau.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ.

Tham mưu với chính quyền địa phương và Phòng VHXH về các hoạt động giáo dục của nhà trường, địa phương.

Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị; phát huy dân chủ trong công tác để đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quản lý, điều hành.

Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Thành lập Hội đồng tổ chức Kiểm tra định kì; Hội đồng nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh năm học. Hội đồng thi đua khen thưởng. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học, các hoạt động giáo dục.

2. Đối với Phó hiệu trưởng

Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện thiết bị, công tác bán trú quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến các hoạt động giáo dục, tổ chức tập huấn cho CBGVNV Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Chỉ đạo, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn và các hoạt động liên quan đến giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham mưu với Hiệu trưởng rà soát quy hoạch mạng lưới trường học, trang thiết bị CSVC của nhà trường. Tham mưu cho Hiệu trưởng công tác chuyên môn, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ giáo viên, các giải pháp nâng cao chất lượng

học sinh, đội ngũ giáo viên.

Quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến công tác phổ cập.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn

Xây dựng kế hoạch hoạt động tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học (đối với tổ chuyên môn) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/khối theo quy định (2 lần/tháng).

Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

4. Đối với Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh

Thành lập Ban chỉ huy Liên đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

Phối kết hợp với ban chuyên môn trường, các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào học sinh của nhà trường;

Xây dựng kế hoạch Đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm

Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời gian biểu;

Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/lớp mình đảm nhiệm;

Phối kết hợp với các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học

Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm;

Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7. Đối với nhân viên

7.1. Nhân viên thư viện, thiết bị (giáo viên kiêm nhiệm)

Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện - thiết bị;

Quản lí phòng đọc, tổ chức các tiết đọc thư viện;

Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị;

Tuyên truyền đề CBGV,NV và học sinh tích cực đọc sách;

Tổ chức "Tuần lễ học tập suốt đời"; "Ngày sách Việt Nam"; tổ chức ngày hội đọc sách.

Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.2. Nhân viên Y tế (kiêm nhiệm)

Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.

Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường.

Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGVNV và học sinh.

Thực hiện các nhiệm vụ Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh của nhà trường.

Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khoẻ HS, lập sổ sức khoẻ, phiếu khám sức khoẻ định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDĐT, Bộ Y tế.

Thực hiện qui trình lưu mẫu thực phẩm.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.3. Nhân viên kế toán

Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.

Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.

Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.

Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.

Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.

Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.4. Nhân viên bảo vệ (hợp đồng)

Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của giáo viên, học sinh.

Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.

Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, điện nước và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy, đồ điện.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường Tiểu học số 2 Mường Pồn./.

Nơi nhận:
- Phòng vhxh (để b/c);
- Các tổ chuyên môn (để t/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ MƯỜNG PỒN TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 MƯỜNG PỒN

Mạc Thị Sâm